

Bản án số: **461/2024/DS - ST**

Ngày: 30-9-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thu Vân và ông Phan Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2023/TLS - DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 328/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 268/2024/QĐXXST-DS-HPT ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam;**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà Sailing Tower, Số 111A đường PASTEUR, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông **Hàn Ngọc V** - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Khánh H** - Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ hỗn hợp Miền Nam - Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ - Khối quản lý rủi ro Ngân hàng bán lẻ thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam theo Giấy ủy quyền số: 064323.24 ngày 01/4/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam và người được ủy quyền lại là ông **Hoàng Thế K**, sinh năm 1988, căn cước công dân số: 07908803****; bà **Nguyễn Thị Ánh H**, sinh năm 1998, căn cước công dân số: 08019800**** và bà **Đào Minh Q**, sinh năm 1998, căn cước công dân số: 05219800**** là cán bộ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam theo Giấy ủy quyền số: 086739.24 ngày 03/5/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam (bà Nguyễn Thị Ánh H và bà Đào Minh Q có mặt).

- Bị đơn: Ông **Mai Tuấn T**, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

Giấy chứng minh nhân dân số: 02579****;

Số định danh cá nhân/ Căn cước công dân số: 03108800****;

Địa chỉ nơi thường trú/liên lạc: Số nhà F L5 (Lầu 5), Lô I Chung cư K, Phường L, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng VIB) có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án giải quyết về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với ông Mai Tuấn T (sau đây gọi tắt là ông T).

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng VIB trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 30 tháng 8 năm 2016, ông T có ký với Ngân hàng VIB - Chi nhánh Sài Gòn Giấy Đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm hợp đồng tín dụng và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB. Ngày 09 tháng 9 năm 2016, Ngân hàng VIB chấp nhận và cấp thẻ tín dụng Quốc tế VIB Cash Back Platinum, số tài khoản: C00000000096090 với hạn mức 134.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng). Lãi xuất theo Giấy Đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm hợp đồng tín dụng và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB đã được hai bên ký kết ngày 30 tháng 8 năm 2016. Tính đến ngày 20 tháng 9 năm 2021, ông T còn nợ Ngân hàng VIB số tiền là 232.708.468 đồng (Hai trăm ba mươi hai triệu bảy trăm lẻ tám nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T đã không thanh toán đầy đủ các khoản tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng VIB. Ngân hàng VIB khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán (trả nợ) một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng VIB số tiền là 232.708.468 đồng (trong số tiền này có 136.229.897 đồng là khoản tiền nợ gốc, 43.985.390 đồng là khoản tiền nợ lãi và 52.493.199 đồng là khoản tiền nợ phí thẻ) tạm tính đến hết ngày 20 tháng 9 năm 2021.

Từ ngày 20 tháng 9 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2024 (ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án), ông T đã thanh toán được thêm cho Ngân hàng VIB số tiền là 2.060.382 đồng (Hai triệu không trăm sáu mươi nghìn ba trăm tám mươi hai đồng).

Ngân hàng VIB yêu cầu Tòa án buộc ông T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán (thực hiện nghĩa vụ trả nợ) cho Ngân hàng VIB toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi và tiền phí tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2024 với tổng số tiền là 230.648.086 đồng {Hai trăm ba mươi triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn không trăm tám mươi sáu đồng (trong số tiền này có 134.169.497 đồng là khoản tiền nợ gốc, 43.985.390 đồng là khoản tiền lãi và 52.493.199 đồng là khoản tiền phí thường niên, phí chậm thanh toán và phí vượt hạn mức)}; yêu cầu thanh toán một lần số tiền này ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật; Ngân hàng VIB còn yêu cầu Tòa án buộc ông T phải thanh toán cho Ngân hàng VIB thêm khoản tiền lãi quá hạn đối với số tiền chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng (Giấy Đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm hợp đồng tín dụng và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB mà hai bên đã ký kết ngày 30 tháng 8 năm 2016). Ngoài yêu cầu nêu trên thì Ngân hàng VIB không còn yêu cầu ông T phải thanh toán thêm khoản tiền nào khác.

Ngân hàng VIB đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm có: Bản sao có chứng thực Giấy Đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB do ông T đã ký với Ngân hàng VIB - Chi nhánh Sài Gòn ngày 30 tháng 8 năm 2016; Bảng sao kê lịch sử giao dịch và thanh toán (Báo cáo liệt kê giao dịch) đối với ông T; Bản sao không chứng thực (bản photocopy) Sổ hộ khẩu và bản sao không chứng thực (bản photocopy) Căn cước công dân của ông T.

Quá trình giải quyết vụ án, tại Bản tự khai ngày 07 tháng 6 năm 2024 bị đơn là ông T trình bày:

Ngày 30 tháng 8 năm 2016, ông T có ký Giấy Đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế kiêm hợp đồng tín dụng mở và sử dụng tài khoản thẻ tín dụng và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB do Ngân hàng VIB phát hành, số tài khoản: C00000000096090, loại thẻ; Thẻ tín dụng quốc tế VIB Cash Back Platinum với hạn mức 134.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng). Quá trình sử dụng thẻ, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi và phí phát sinh; tổng dư

nợ tạm tính đến ngày 07 tháng 6 năm 2024, ông T còn nợ Ngân hàng VIB số tiền là 230.648.086 đồng {Hai trăm ba mươi triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn không trăm tám mươi sáu đồng (trong số tiền này có 134.169.497 đồng là khoản tiền nợ gốc, 43.985.390 đồng là khoản tiền lãi và 52.493.199 đồng là khoản tiền phí thường niên, phí chậm thanh toán và phí vượt hạn mức)}. Ông T đồng ý trả nợ cho Ngân hàng VIB số tiền là 230.648.086 đồng (Hai trăm ba mươi triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn không trăm tám mươi sáu đồng) ngay khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ông T xác nhận ông là người độc thân, chưa kết hôn với ai; ông T không có yêu cầu phản tố trong vụ án này và không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là Ngân hàng VIB do bà Nguyễn Thị Ánh H và bà Đào Minh Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng VIB giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông T; Ngân hàng VIB chốt nợ đối với ông T và xác nhận tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2024 (ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án) thì ông T còn nợ Ngân hàng VIB tổng số tiền là 230.648.086 đồng {Hai trăm ba mươi triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn không trăm tám mươi sáu đồng (trong số tiền này có 134.169.497 đồng là khoản tiền nợ gốc, 43.985.390 đồng là khoản tiền lãi và 52.493.199 đồng là khoản tiền phí thường niên, phí chậm thanh toán và phí vượt hạn mức)}; Ngân hàng VIB yêu cầu Tòa án buộc ông T phải thanh toán (trả nợ) cho Ngân hàng VIB toàn bộ số tiền này ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu thanh toán một lần; Ngân hàng VIB còn yêu cầu Tòa án buộc ông T phải thanh toán cho Ngân hàng VIB thêm khoản tiền lãi quá hạn đối với số tiền chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Ngân hàng VIB không còn yêu cầu ông T phải thanh toán thêm khoản tiền nào khác.

Bị đơn là ông T vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Về việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dân sự gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn (ông T) theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn (ông T) vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án sơ thẩm đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng đồng tín dụng” đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác định tư cách người tham gia tố tụng của đương sự đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đảm bảo đúng quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96 và 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự

thủ tục khởi kiện, thụ lý vụ án và nhiệm vụ của Thẩm phán khi lập hồ sơ vụ án đảm bảo đúng quy định tại các Điều 195, 196, 197 và 198 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo đúng quy định tại các Điều 205, 206, 207, 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định tại các Điều 170, 171, 172, 173, 174, 175, 177, 178 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định (đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 239, 241, 247, 254 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vắng mặt bị đơn sau khi đã tổng đạt các văn bản tố tụng dân sự hợp lệ là đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự (đương sự) trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:

- *Về quan hệ tranh chấp:* Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án này, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là ông T các văn bản tố tụng dân sự gồm có: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của ông T theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177, 179, 196, 208, khoản 2 Điều 220 và khoản 3 Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn là ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án gồm có: Bản sao có chứng thực Giấy Đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB do ông T đã ký với Ngân hàng VIB - Chi nhánh Sài Gòn ngày 30 tháng 8 năm 2016; Bảng sao kê lịch sử giao dịch và thanh toán (Báo cáo liệt kê giao dịch) đối với ông T; Lời trình bày của ông T tại Bản tự khai ngày 07 tháng 6 năm 2024, ông T xác nhận còn nợ Ngân hàng VIB số tiền là 230.648.086 đồng {Hai trăm ba mươi triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn không trăm tám mươi sáu đồng (trong số tiền này có 134.169.497 đồng là khoản tiền nợ gốc, 43.985.390 đồng là khoản tiền lãi và 52.493.199 đồng là khoản tiền phí thường niên, phí chậm thanh toán và phí vượt hạn mức)}. Ông T đồng ý trả nợ cho Ngân hàng VIB toàn bộ số tiền này ngay khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận định việc ông T có vay của Ngân hàng VIB số tiền là 134.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng) là có thật; tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2024, ông T còn nợ Ngân hàng VIB tổng số tiền chưa thanh toán là 230.648.086 đồng {Hai trăm ba mươi triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn không trăm tám mươi sáu đồng (trong số tiền này có 134.169.497 đồng là khoản tiền nợ gốc, 43.985.390 đồng là khoản tiền lãi và 52.493.199 đồng là khoản tiền phí thường niên, phí chậm thanh toán và phí vượt hạn mức)}. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VIB đối với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; Hội đồng xét xử buộc ông T phải thanh toán (phải trả nợ) toàn bộ số tiền này cho Ngân hàng VIB.

Bị đơn là ông T đã không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án thì coi như là ông T đã từ bỏ quyền được cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự tại phiên tòa sơ thẩm.

[3] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn là ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 11.532.404 đồng (Mười một triệu năm trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 147; các Điều 227, 228, 232, 233, 235, 254, 264, 266, 267, 269, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 305, 471, 472, 473 và 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 280, 351, 357, 400, 401, 468 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam.

Buộc ông Mai Tuấn T phải có nghĩa vụ thanh toán (phải có nghĩa vụ trả nợ) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam số tiền còn nợ là **230.648.086 đồng** {Hai trăm ba mươi triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn không trăm tám mươi sáu đồng (trong số tiền này có 134.169.497 đồng là khoản tiền nợ gốc, 43.985.390 đồng là khoản tiền lãi và 52.493.199 đồng là khoản tiền phí thường niên, phí chậm thanh toán và phí vượt hạn mức)} ngay khi bản án này có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án.

Việc thanh toán tiền do ông Mai Tuấn T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam tự thực hiện hoặc được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền (Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (ông Mai Tuấn T) còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán để trả cho bên được thi hành án (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam) theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (Giấy Đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB do ông T đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ngày 30 tháng 8 năm 2016). Trường hợp trong hợp đồng tín dụng (Giấy Đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB do ông T đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ngày 30 tháng 8 năm 2016), các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam) thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Trường hợp ông Mai Tuấn T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền (Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền) giải quyết theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông Mai Tuấn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là **11.532.404 đồng** (Mười một triệu năm trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng) để sung vào công quỹ nhà nước, nộp tiền tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền (Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **5.817.712 đồng** (Năm triệu tám trăm mười bảy nghìn bảy trăm mười hai đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/ **0002565** ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo và việc thi hành bản án:

Án xử công khai, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam có mặt, bị đơn là ông Mai Tuấn T vắng mặt không rõ lý do.

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xin xét xử phúc thẩm.

Bị đơn là ông Mai Tuấn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết (kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ), lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xin xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 8;
- Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8;
- Lưu Văn phòng và Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tường